

# HỘI NGHỊ CÁC NƯỚC Á - PHI BẰNG ĐUNG 50 NĂM NHÌN LẠI

NGUYỄN CÔNG KHANH\*

I. Vào giữa những năm 50 của thế kỷ XX, tình hình châu Á và châu Phi có nhiều biến động. Theo đề nghị của Thủ tướng Indônêxia Al Sastroamidjojo, Hội nghị Côlômbô (từ ngày 28/4 đến 2/5/1954 với sự tham gia của Miến Điện, Xâylan, Indônêxia, Ấn Độ và Pakistan) đã ủng hộ việc triệu tập một Hội nghị của các nước Á, Phi. Cuối tháng 9 năm đó, Thủ tướng Indônêxia được mời đến New Delhi để bàn về công việc chuẩn bị cho Hội nghị. Sau khi đề cập đến những sự kiện xảy ra trong khu vực, Tuyên bố chung về cuộc gặp đã khẳng định sự cần thiết phải triệu tập Hội nghị càng sớm càng tốt nhằm củng cố hòa bình và khối thống nhất Á, Phi.

Bảy tháng sau Hội nghị Côlômbô, tháng 12/ 1954, các nguyên thủ của 5 nước trên nhóm họp ở Bogor (Indônêxia) để làm công tác trù bị. Phía Ấn Độ (J. Nehru) dự kiến: Thành phần Hội nghị gồm khoảng 30 nước, do Thủ tướng và Ngoại trưởng dẫn đầu, nội dung Hội nghị sẽ không bao gồm các vấn đề gây tranh cãi mà là những vấn đề trên cơ sở "năm nguyên tắc chung sống hòa bình" và yêu cầu lập Ban thư ký để xúc tiến công việc chuẩn bị Hội nghị (1).

Vì kết quả Hội nghị, tức phương hướng tương lai của các nước châu Á, châu Phi tùy

thuộc nhiều vào thành phần tham gia, nên việc mời nước nào sẽ hết sức quan trọng. Sau khi thảo luận, Hội nghị nhất trí thông qua ý kiến của J. Nehru là chỉ mời các nước đã hoặc sắp giành được độc lập. Về phía châu Phi, có 7 nước. Việc mời Liên bang Trung Phi là để nhằm chứng tỏ Hội nghị sắp tới không có quan điểm phân biệt chủng tộc, nhưng chính quyền da trắng thiểu số đã không tham gia Hội nghị (lý do mà J. Nehru đưa ra là do chính sách xâm lược của họ). Còn Sudan thì cho đến trước phiên khai mạc Hội nghị Á-Phi vẫn chưa có quốc kỳ, nên Ban thư ký có sáng kiến treo một mảnh vải trắng trên đó có dòng chữ "Sudan" để thay thế.

Nếu như việc mời các nước châu Phi tương đối suôn sẻ, thì vấn đề mời ai trong số các nước châu Á lại khá phức tạp. Tiêu biểu là việc mời Cộng hòa nhân dân (CHND) Trung Hoa. Thủ tướng Pakistan, Muhamad Ali tuyên bố: Chắc chắn các nước Ả Rập cũng như Thái Lan và Philippin sẽ từ chối sự tham gia của Trung Quốc đại lục. Ngược lại, Thủ tướng Miến Điện Unu thì nói dứt khoát là nước ông sẽ không tham gia Hội nghị nếu Trung Quốc không được mời. Thủ tướng Ấn Độ J. Nehru đặc biệt nhấn mạnh đến việc cần

\* PGS.TS. Khoa Lịch sử - Đại học Vinh.

thiết có sự tham gia của CHND Trung Hoa, vì tại Hội nghị Côlômbô đã ra tuyên bố về sự tất yếu phải công nhận quyền của CHND Trung Hoa ở Liên Hợp quốc. Ông nói: Việc không mời Trung Quốc là sự xét lại Nghị quyết của Hội nghị Côlômbô. Ngoài ra, phải tính đến việc Trung Quốc đã tham gia Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương (tháng 4 - 7/1954) và đã có quyết định mời các nước Đông Dương. Đài Loan nói chung không phải là một quốc gia (2). Cuối cùng, Hội nghị đã nhất trí mời CHND Trung Hoa, nhưng Tuyên bố chung lại viết rằng, việc mời một nước nào đó không có nghĩa là thay đổi quan điểm về công nhận nước đó. Trong việc mời Israel cũng có hai loại ý kiến. Miến Điện cố gắng bảo vệ đề xuất mời Israel vì chính phủ "xã hội chủ nghĩa" Unu có quan hệ chặt chẽ với những người "xã hội chủ nghĩa" Israel. Phía Ấn Độ và Pakistan lại cho rằng, do Israel đang ở trong tình trạng chiến tranh với Ả Rập, nên họ không đồng ý để Israel tham gia Hội nghị.

Cuối cùng, có 18 nước châu Á được mời là: Ápganixtan, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nam Việt Nam, Gioócđani, Irắc, Iran, Yêmen, Campuchia, CHND Trung Hoa, Lào, Libăng, Nêpan, Ả rập Xêút, Xyri, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Philippin và Nhật Bản. Như vậy là ngoài 5 nước sáng lập viên, có thêm 30 nước Á, Phi được mời. Hội nghị Á, Phi sẽ tiến hành vào cuối tháng 4/1955 tại Băng Đung (Indônêxia) với các nội dung:

- Thúc đẩy sự hợp tác giữa các nước Á, Phi.
- Thảo luận các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội và quan hệ giữa các nước tham gia Hội nghị.
- Thảo luận các vấn đề được các nước Á, Phi quan tâm, đặc biệt như chủ quyền dân

tộc, chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa chủng tộc.

- Những vấn đề mà các nước Á, Phi có thể đóng góp vào sự nghiệp hoà bình và củng cố hợp tác trên phạm vi thế giới (3).

Sau cuộc gặp Bogor, tình hình thế giới, nhất là khu vực Á, Phi diễn ra hết sức phức tạp. Việc Mỹ và chính quyền Tưởng Giới Thạch ký Hiệp ước an ninh ngày 1-12-1954 và tiếp đó Tổng thống Aixenhao đòi Quốc hội Mỹ trao cho ông ta toàn quyền sử dụng lực lượng vũ trang để "bảo vệ" Đài Loan và các đảo phụ cận, làm cho tình hình Vịnh Đài Loan và Viễn Đông xấu đi. Ở Trung Cận Đông, Irắc và Thổ Nhĩ Kỳ (về sau thêm Pakistan) ký kết thoả thuận ngày 24-2-1955, đặt cơ sở cho việc ra đời khối quân sự Bát Đa sau đó hai tháng. Ngày 28-2, Israel thực hiện cuộc tấn công vào thành phố Gaza của Ai Cập. Tình hình trên đòi hỏi phải có sự đoàn kết chặt chẽ hơn giữa các nước Á, Phi.

Trong số các nước sáng lập Hội nghị Á, Phi, Ấn Độ đã có đóng góp rất quan trọng trong việc chuẩn bị, chỉ trong vòng 3 tháng, chính phủ Nehru đã có nhiều hoạt động ngoại giao năng động cho Hội nghị Băng Đung và thu hút sự ủng hộ các nước Á, Phi đối với "năm nguyên tắc chung sống hòa bình" (nhất là đối với các nước theo đạo Phật). Ấn Độ đã sát cánh với Ai Cập vào thời điểm khó khăn nhất: Thủ tướng Nehru thăm Ai Cập vào tháng 2, ký Tuyên bố chung về hữu nghị và hợp tác vào tháng 4. Nehru cũng mời các nhà lãnh đạo Campuchia (Xihanúc, tháng 3), Việt Nam DCCCH (Phạm Văn Đồng, tháng 4) đến Ấn Độ. Tuyên bố chứng nhận các cuộc viếng thăm này là sự công nhận lẫn nhau, ủng hộ "Năm nguyên tắc", quyết tâm hợp tác vì sự thành công của Hội nghị Băng Đung (4).



Các thế lực đế quốc, phản động mưu toan phá hoại Hội nghị Á - Phi. Thoạt đầu, các chính phủ thân phương Tây tuyên bố sẽ không đến Hội nghị mà chỉ xét lại quyết định của mình khi nào hội nghị có được đại diện của trên 1/2 dân số địa cầu tham gia. Vào cuối tháng 3/1955, phía Mỹ đảm bảo để "bạn bè" của họ (như Philippin, Nhật Bản, Nam Việt Nam, Lào, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Pakistan, Êtiopia, Libi và Liên bang Trung Phi) yên tâm và phải chuẩn bị để chống lại các đề nghị có khuynh hướng chống Mỹ (5).

Chính quyền Đài Loan thì có hoạt động trắng trợn hơn. Gián điệp Tưởng Giới Thạch đã đặt bom làm nổ chiếc máy bay Ấn Độ "Nữ hoàng Kashmir", do Trung Quốc thuê để chở phái đoàn của mình ngày 1-4-1955 trên vùng trời Calimantan làm toàn bộ hành khách và phần lớn phi hành đoàn thiệt mạng. Chu Ân Lai không đi trên chiếc máy bay này nên may mắn thoát chết (6).

Tuy nhiên, Hội nghị Băng Đung vẫn được tổ chức với sự có mặt đầy đủ của các đoàn đại biểu từ hai châu lục. Hội nghị đã được sự quan tâm đặc biệt của công luận thế giới. Hội đồng khối quân sự Đông Nam Á - SEATO (thành lập tháng 9/1954) trong phiên họp đầu tiên vào tháng 3/1955 tại Băng Cốc (Thái Lan), đã "nhiệt liệt đón chào" Hội nghị các nước Á - Phi (7).

II. Hội nghị Á, Phi diễn ra ở Băng Đung từ ngày 18 đến ngày 24-4-1955. Tham gia Hội nghị có 340 đại biểu đại diện cho 29 nước có 1 tỷ 440 triệu dân (chiếm 2/3 dân số thế giới lúc bấy giờ) và ở trên một địa vực rộng lớn 30,5 triệu km<sup>2</sup>. Sự có mặt của 655 phóng viên báo chí (đông gần gấp đôi số đại biểu cho thấy sự quan tâm của dư luận quốc tế (8).

Trên cơ sở tuyên bố chung Bogor, chương trình nghị sự của Hội nghị Băng Đung gồm những vấn đề sau:

1. Hợp tác kinh tế, kể cả sử dụng năng lượng nguyên tử vào mục đích hòa bình.

2. Hợp tác văn hóa.

3. Quyền con người và quyền tự quyết, kể cả vấn đề Palestin và chủ nghĩa chủng tộc.

4. Địa vị các dân tộc phụ thuộc bao gồm vấn đề Tuynidi, Angiêri, Maroc.

5. Góp phần vào hòa bình hợp tác quốc tế bao gồm vấn đề vũ khí giết người hàng loạt và giải trừ quân bị.

Theo quyết định của Hội nghị, hai vấn đề hợp tác kinh tế, văn hóa sẽ được thảo luận ở các ban, sau đó các trưởng ban báo cáo kết quả tại phiên họp cấp trưởng đoàn đại biểu. Còn ba vấn đề sau được thảo luận ở cấp trưởng đoàn trong các phiên họp kín. Các nghị quyết thông qua phải đạt được nhất trí chung và bất kỳ đoàn đại biểu nào cũng có quyền phủ quyết.

Hội nghị Băng Đung diễn ra trong bối cảnh chiến tranh ở vào thời kỳ gay gắt, nên diễn đàn hội nghị cũng phản ánh phần nào điều đó. Đó là cuộc đấu tranh giữa các nước không liên kết và các nước thân đế quốc. Ngay trong nội bộ các nước không liên kết (chiếm đa số tại Hội nghị) cũng không có sự nhất trí cao. Thủ tướng Ấn Độ Nehru nỗ lực không mệt mỏi để "năm nguyên tắc tồn tại hòa bình" trở thành chuẩn mực đạo đức quốc tế, góp phần củng cố hòa bình, độc lập nói chung. Thủ tướng Tây Lan lại không muốn Hội nghị đứng trên lập trường chống chủ nghĩa đế quốc. Khi ông phát biểu bồi nhọ chính sách Đông Âu của Liên Xô, thì tranh luận đã diễn ra gay gắt tại phiên họp ngày 1/4. J.Nehru phản bác lại: Liên Hợp quốc đã công nhận Đông Âu là các nước độc lập, có chủ quyền, nên việc phủ nhận công nhận đó từ các nước Á, Phi là quan điểm kỳ quặc. Ông cho rằng làm như vậy sẽ chia rẽ Hội nghị (9).



Một cuộc tranh luận khác cũng không kém phần gay gắt khi Thủ tướng Pakistan đưa ra tại phiên họp ngày 22-4 ý kiến cho rằng: Các nguyên tắc chung sống hòa bình và cả Liên Hợp quốc nữa cũng không đủ để bảo vệ hòa bình, độc lập, an ninh cho các nước nhỏ, nên họ phải dựa vào sự giúp đỡ để bảo đảm an ninh từ phía các nước lớn (trên thực tế, nước này đã gia nhập các khối quân sự SEATO và Bắc Đa - CENTO). J.Nehru thì cho rằng: cái gọi là quan điểm thực tế sẽ đưa thế giới đến bờ vực của chiến tranh thế giới III. Ông nói: "Nếu các nước Á, Phi không liên kết vào một khối nào đó thì họ có khả năng làm cho cán cân thế giới nghiêng hẳn về phía hoà bình. Vì nếu thế giới bị chia thành hai khối thì hậu quả sẽ diễn ra như thế nào? - Chiến tranh là không thể tránh khỏi" (10).

Phản đối ý kiến của Thổ Nhĩ Kỳ nói rằng họ được NATO bảo vệ, Nehru cho rằng, khối NATO đã trở thành một trong những kẻ mạnh nhất bảo vệ chủ nghĩa thực dân.

Tại Hội nghị Băng Đung, Trung Quốc đã sử dụng diễn đàn này để mở rộng quan hệ, được giới thiệu và chấp nhận bởi các nước Á, Phi. Bản thân J.Nehru đã có nhiều công lao to lớn trong vấn đề này. Nehru đã giới thiệu để Chu Ân Lai gặp mặt các nước sáng lập viên Hội nghị cũng như Thái Lan, Philippin. Đây là dịp thuận lợi để Trung Quốc tuyên bố: Coi trọng tình hữu nghị với nhân dân Mỹ, không muốn chiến tranh với Mỹ, sẵn sàng thương lượng với Mỹ để thảo luận để làm dịu căng thẳng ở Viễn Đông, đặc biệt là vùng Đài Loan (11).

III. Hội nghị Băng Đung bế mạc ngày 24-4-1955, sau 7 ngày làm việc, Hội nghị thông qua "Tuyên ngôn về cùng tác động đến hòa bình và hợp tác", được coi là sự trình bày với thế giới mong muốn của các

dân tộc Á, Phi tôn trọng của các quyền cơ bản của con người, cũng như mục đích, nguyên tắc của Liên Hợp quốc, Năm nguyên tắc chung sống hòa bình giữa các quốc gia đã trở thành các nguyên tắc của Băng Đung. Tuyên ngôn cũng nói rõ kết quả các cuộc thảo luận về vấn đề hợp tác kinh tế, văn hóa và vai trò của các quốc gia phụ thuộc.

Mặc dù còn có một số hạn chế như: có vài chỗ chưa thật rõ ràng trong tuyên bố cuối cùng, mong muốn thành lập cơ quan thường trực các nước Á, Phi của nhiều đoàn đại biểu đã không được thực hiện, cách giải thích của các đoàn đại biểu khi trở về nước không đồng nhất (như ý kiến của Pakistan, Xây Lan và Ai Cập về thái độ của Hội nghị về các khối quân sự...) nhưng nhìn chung kết quả của Hội nghị Băng Đung là tích cực.

Trước hết, Hội nghị Băng Đung đã thể hiện quan điểm chống chủ nghĩa thực dân rõ ràng, coi nó là ác độc và cần tiêu diệt càng sớm càng tốt. Điều thú vị là có một số nước Á, Phi gần bó ít nhiều với các cường quốc đế quốc cũng nhất trí. Khuynh hướng đoạn tuyệt với chủ nghĩa thực dân của các nước Á, Phi đã được sự đồng tình quốc tế vào 5 năm sau. Tại khoá họp XV của Đại hội đồng Liên Hợp quốc năm 1960 đã thông qua tuyên ngôn lịch sử theo sáng kiến của Liên Xô trao quyền độc lập cho các nước thuộc địa.

Thắng lợi thứ hai là, đa số các nước thuộc thế giới thứ ba đã khẳng định lý tưởng không liên kết. Lý tưởng này dần trở thành hiện thực khi các nước Á, Phi sau khi giành độc lập về chính trị đã khẳng định chính sách đối ngoại không liên kết của mình. Dĩ nhiên nếu tại Hội nghị Băng Đung, việc thành lập một tổ chức thường trực các nước Á, Phi được thực hiện thì nó

có thể thúc đẩy nhanh chóng hơn sự hình thành và phát triển của khối các nước không liên kết.

Thắng lợi thứ ba của Hội nghị Băng Đung đã giúp cho các nước Á, Phi thoát khỏi quan niệm không đúng về Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thúc đẩy vai trò của CHND Trung Hoa trên trường quốc tế. Đúng như nhận xét của một số nhà nghiên cứu là "Ở Mátxcơva, người ta hài lòng với kết quả Hội nghị Băng Đung hơn là Oasinhton".

Hội nghị Á, Phi ở Băng Đung là sự nỗ lực lớn của các nước tổ chức và tham gia trực tiếp, trong đó nổi bật lên vai trò của Ấn Độ. Nước này đã từng đề xướng và tổ chức thành công hai Hội nghị Liên Á vào các năm 1947 và 1949, nay lại đóng vai trò hàng đầu tại Hội nghị Băng Đung. Do đó có thể nói Hội nghị Băng Đung là một thắng lợi của Ấn Độ vì những lý tưởng Không liên kết "Năm nguyên tắc chung sống hoà bình" trở thành hòn đá tảng trong đường lối đối ngoại của các quốc gia thuộc hai đại lục Á, Phi.

### CHÚ THÍCH

(1), (2), (5), (6). Jansen G.H: *Afro - Asia and Non - Aligment*, London 1966, pp. 172, 173, 185-186, 198-199

(3). *India and Cooperation*, Delhi 1965, pp. 135-138.

(4). *Foreign Policy of India. Texts and Documents 1947 - 1959*. New Delhi 1959, pp. 143-153.

(7). *Hindu - Madras*, 6-3-1955.

(8), (10). Rajan M.S: *India in World Affairs 1954 - 1956*, New Delhi, 1964, pp. 240, 207

(9). Kashin G. M: *Asian - African Conference*, New York, 1956, p. 19

(11). Jansen G.H: *Afro - Asia and Non - Aligment*, London 1966, p. 218.

